TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 187/2018/DS-PT
Ngày 17-8-2018
"Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1968.

Ông Lý Khải T1, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Số 70, đường HTQ, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Mỹ T và ông T1: Bà Huỳnh Lệ L, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 11 Lô E1, tỉnh lộ 848. ấp PL, xã TPĐ, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/4/2014).

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành L1, sinh năm 1952.

Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Số 754, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà T2: Ông Lê Thành L1, sinh năm 1952, địa chỉ: Số 754, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/4/2016).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Thanh H, sinh năm 1979.

Anh Lê Thanh T3, sinh năm 1977.

Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 754, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Mỹ T4, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 762, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh H, anh T3, chị Q, chị T4: Ông Lê Thành L1, sinh năm 1952, địa chỉ: Số 754, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2014, ngày 13/11/2014, ngày 29/4/2016).

Ông Lê Văn N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 765A, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 718/2, ấp TL, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* ông Lê Thành L1 là bị đơn.

Bà L, ông L1 có mặt tại phiên tòa. Ông N, ông M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1, bà Mỹ T và ông T1 ủy quyền cho bà Huỳnh Lệ L trình bày:

Vào năm 2007 bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn N diện tích đất lúa tại thửa 1052 thuộc xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp với giá là 70.000.000 đồng, hai bên đã làm thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/3/2007 do bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 đứng tên. Bà T và ông T1 thường xuyên sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, không trực tiếp quản lý sử dụng đất, nên anh ruột là ông Lê Thành L1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị T2 đã tự lấn chiếm diện tích 198,lm^2, phần diện tích này là lối đi từ nhà của bà T ra thửa đất 1052 và đất thuộc một phần thửa đất 1052.

Nay bà T và ông T1 yêu cầu những người trong hộ ông Lê Thành L1 và bà Huỳnh Thị T2 cùng Lê Thanh H, Lê Thanh T3, Bùi Thị Q trả lại diện tích 198,l m^2 để bà T, ông T1 làm lối đi ra thửa đất 1052, về cây trên đất bà T tự nguyện trả giá trị cho ông L1 theo định giá là 2.980.000 đồng, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Lê Thành L1, ông L1 là người đại diện hợp pháp cho Huỳnh Thị T2, Lê Thanh H, Lê Thanh T3, Bùi Thị Q, Lê Thị Mỹ T4 trình bày:

Nguồn gốc phần đất của ông thửa 35, tờ bản đồ số 71 và đất của ông Lê Văn N thửa 1052 là của ông Lê Văn H1, ông H1 là cha của ông, bà T và ông N. Phần đất của ông N tại thửa 1052, ông N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M một phần trong đó có phần bờ ngang khoảng 07m vị trí nằm tiếp giáp đất của ông M và đất của ông, phần đất của ông N còn lại ông N chuyển nhượng cho bà T. Việc bà Lê Thị Mỹ T, ông Lý Khải T1 cho rằng gia đình ông chiếm phần diện tích 198,lm^2 là không đúng. Thực tế diện tích tranh chấp thuộc thửa số 35 tờ bản đồ 71 do ông đứng tên, chứ không phải thuộc thửa 1052 của bà T, nên ông L1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T và ông T1, nhưng vì bà T là em ruột của ông, nên gia đình ông đồng ý cho bà T và ông T1 lối đi ngang 02m diện tích là 58,3m^2 vị trí cặp vách tường của ông M chiều dài từ phía sau nhà của bà T ra đến thửa đất 1052 do bà T, ông T1 đứng tên, nhưng yêu cầu bà T và ông T1 trả giá trị đất cho ông theo giá như Hội đồng định giá đã định là 70.000 đồng/lm^2 (58,3 x 70.000đ = 4.081.000 đồng).

Đối với Bùi Thị Q và Lê Thị Mỹ T4 là con dâu, con gái của ông, không có quyền lợi gì trong phần đất tranh chấp, vì Q, T4 đã cắt hộ khẩu đi khỏi gia

đình ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày:*

Diện tích mà bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 đang tranh chấp với ông Lê Thành L1 là của ông đã chuyển nhượng cho bà T và ông T1 vào năm 2007, trước khi chuyển nhượng là phần đất ruộng ông đã trồng 06 liếp mía khoảng cách mỗi liếp là 1,1m, còn phần bờ thì ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M và lời trình bày của ông ngày 29/01/2015 là không đúng. Lý do ông trình bày khác đi là vì trước đây do tình nghĩa anh em, nên ông có yêu cầu ông L1 chừa cho bà T, ông T1 một lối đi ngang 2m, nhưng thực chất phần đất tranh chấp là của ông đã chuyển nhượng cho bà T, ông T1 chiều ngang, bị ông L1 lấn chiếm. Ông N khẳng định lời khai tại phiên tòa sơ thẩm là chính xác và đúng thực tế, đồng thời ông cung cấp cho Hội đồng xét xử trích lục bản đồ do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp theo yêu cầu của ông ngày 08/7/2013, để chứng minh cho sự thay đổi lời khai của ông.

- *Đại diện UBND huyện LV ông Nguyễn Ngọc T5 trình bày*:

Thửa đất 1052 cấp cho bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 chưa được cấp đổi sang hệ thống bản đồ chính quy và thửa đất cấp cho hộ ông Lê Thành L1 thửa 2988 đã được cấp đổi sang hệ thống bản đồ chính quy thành thửa 35, tờ bản đồ 71, cả hai thửa đất trên đều cấp đúng theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định.

Tại văn bản số 92/UBND-TNMT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện LV xác định: Nguồn gốc đất của thửa 2988 cắt ra từ thửa 1052 đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thành L1 ngày 30/8/1995. Đến năm 2012 đăng ký cấp đổi lại sang hệ thống bản đồ chính quy thành tờ bản đồ 71, thửa số 35. Theo hiện trạng thửa 35, tờ bản đồ 71 (bản đồ chính quy) tiếp giáp thửa 1052 (bản đồ 299) của bà Lê Thị Mỹ T là đúng thực tế. Tứ cận thửa 35, tờ bản đồ 71, giáp thửa 1052 của bà Lê Thị Mỹ T, giáp thửa 1051 của Nguyễn Văn M (bản đồ 299), phần tiếp giáp các thửa phía trong sai vị trí giữa số thửa trên giấy chứng nhận và thực tế sử dụng.

- *Người làm chứng Nguyễn Văn M trình bày:* Vào khoảng năm 1994-1995 ông Lê Văn N có chuyển nhượng cho ông diện tích 706m^2 vị trí tiếp giáp với diện tích mà bà T và ông L1 đang tranh chấp. Phần đất ông N chuyển nhượng cho ông là một bờ đất (liếp) ngang khoảng 06-07m, còn phần mương ông N

không có chuyển nhượng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/06/2002 thuộc thửa 1326 tờ bản đồ số 1. Sau khi chuyển nhượng ông đã xây tường rào, lúc xây dựng tường rào ông L1, bà T, ông N thống nhất không có ý kiến gì. Phần đất của ông N còn lại thửa 1052, ông N muốn đi ra thửa đất 1052 thì ông N là đi trên đất ông L1.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV đã xử:

1. Buộc hộ Lê Thành L1, Huỳnh Thị T2, Lê Thanh H, Lê Thanh T3, Bùi Thị Q, Lê Thị Mỹ T4 phải giao trả cho hộ Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 diện tích 198,lm^2 vị trí cặp tường rào của Nguyễn Văn M được thể hiện gồm các mốc Ml, M2, M3, M4, M5, M6, M7 nối với M1 (có sơ đồ tranh chấp và sơ đồ mốc gởi do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV đo vẽ ngày 27/10/2014) Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 được sỡ hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích 198,lm^2 gồm: 01 cây sao hoành 80-90cm, 05 cây xoài Đài Loan mới cho trái, một cây chanh 04 năm tuổi, một cây mãng cầu ta 05 năm tuổi, một cây dừa 03 năm tuổi chưa cho trái và ba bụi chuối không có giá trị.

Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích đã sử dụng theo thực tế.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 hoàn trả cho Lê Thành L1 giá trị cây trồng trên diện tích 198,lm^2 là 2.980.000 đồng.

3. Án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1. Lê Thành L1, Huỳnh Thị T2, Lê Thanh H, Lê Thanh T3, Bùi Thị Q, Lê Thị Mỹ T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 694.000 đồng.

3.2. Buộc Lê Thành L1, Huỳnh Thị T2, Lê Thanh H, Lê Thanh T3, Bùi Thị Q, Lê Thị Mỹ T4 phải hoàn trả cho Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 chi phí đo đạc là 1.301.000 đồng; Chi phí định giá là 900.000 đồng.

3.3. Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ 231.000 đồng và 116.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 18753 ngày 03/3/2014 và biên lai số 025888 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 được nhận lại phần chênh lệch là 47.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 8 năm 2017, ông Lê Thành L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm công nhận diện tích 198,1m^2 cho ông L1 được quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lê Văn H1 là cha của ông L1, bà T và ông N. Năm 1995 cụ H1 có cho ông N diện tích 3.114m^2 và cho ông L1 diện tích 1.000m^2. Phần đất của ông L1, ông L1 quản lý sử dụng đến ngày 30/8/1995 được cấp giấy CNQSD đất diện tích 1.000m^2, thửa 2988, tờ bản đồ số 01, đến năm 2012 ông L1 được cấp đổi thành thửa 35, diện tích 815,6m^2.

Phần đất của ông N, ông N quản lý sử dụng đến 30/8/1995, được cấp giấy CNQSD đất diện tích 3.114m^2, thửa 1052, đất màu, tờ bản đồ số 01. Ngày 26/6/2002 ông N chuyển nhượng cho ông M 706m^2, chiều ngang 6,6m, chiều dài đến giáp phần đất của bà T, tách thành thửa mới 1326. Phần đất còn lại ngày 22/01/2007 ông N chuyển nhượng toàn bộ cho bà T diện tích 2.408m^2. Bà T cho rằng trong quá trình sử dụng ông L1 lấn chiếm diện tích 198,1m^2, nên yêu cầu ông L1 trả lại, ông L1 không thừa nhận có lấn chiếm phần đất của bà T, nên không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

[2] Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2015 ông N trình bày: Bà T yêu cầu là sai, vì 06 m đất chiều ngang tranh chấp này là của ông L1, nên theo ông N đề nghị giao cho T 02m giáp vách nhà ông M để làm đường đi không trả tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông N thay đổi lời khai cho rằng phần đất tranh chấp là của ông đã chuyển nhượng cho bà T, nhưng ông N không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông N chuyển nhượng cho bà T.

Và theo biên bản xác định ranh đất ngày 14/4/2012, khi ông L1 tiến hành thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì có ông Nguyễn Văn M, cụ Lê Văn H1 và anh Lê Hữu H2 là người ký tên xác định ranh đất. Như vậy, theo biên bản xác định ranh đất ngày 14/4/2012 thì phần đất của ông L1 tiếp giáp với đất của ông M, được ông M và cụ H1 (nguồn gốc đất tranh chấp là của

cụ H1 và cụ H1 khi còn sống ở chung nhà với bà T do bà T nuôi dưỡng) thừa nhận. Điều này phù hợp với sơ đồ tranh chấp ngày 27/10/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV.

Mặt khác, theo văn bản số 10/UBND-TNMT ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện LV xác định: ...Khi tiến hành lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn N sang cho bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 không có đo đạc thực tế...

[3] Theo sơ đồ tranh chấp ngày 27/10/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thì phần đất của bà T có diện tích 2.437,8m^2 thừa 29m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất của ông L1 có diện tích 676m^2 (chưa kể phần đất tranh chấp thiếu 139,6m^2, nếu tính luôn phần đất tranh chấp thừa 58,5m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

[4] Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc T5 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông L1 và bà T từ trước đến nay là do ông L1 sử dụng, bà T không có sử dụng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1 và bà L là người được bà T ủy quyền xác định: Từ khi bà T chuyển nhượng đất của ông N đến nay bà T không có sử dụng phần đất tranh chấp và phần đất chuyển nhượng của ông N, là phù hợp với biên bản thẩm định ngày 18/8/2014. Theo biên bản thẩm định ngày 18/8/2014, thì trên phần đất tranh chấp ông L1 có trồng xoài, sao, chanh, ao cá...

Với các căn cứ trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có diện tích 198,1m^2 thuộc quyền sử dụng của ông L1, nên việc ông L1 kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích đất tranh chấp 198,1m^2 thuộc quyền sử dụng của ông L1 là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1 thống nhất giao cho bà T, ông T1 được sử dụng một phần đất để làm lối đi chiều ngang 03m, cặp vách tường rào của ông M, diện tích 80,5m^2 và tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng, không yêu cầu bà T, ông T1 bồi thường, nhưng yêu cầu bà T và ông T1 trả giá trị quyền sử dụng đất theo gía của Hội đồng định giá là 70.000đ/m^2 là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy

định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của ông L1. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L1 sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông L1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị Quyết số 326*/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thành L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 yêu cầu hộ ông Lê Thành L1 giao trả phần đất có diện tích 198,1m^2.

2. Buộc hộ ông Lê Thành L1, bà Huỳnh Thị T2, anh Lê Thanh H, anh Lê Thanh T3, chị Bùi Thị Q, chị Lê Thị Mỹ T4 có trách nhiệm di dời (bằng mọi biện pháp) các cây trồng giao cho hộ Lê Thị Mỹ T và Lý Khải T1 được quyền sử dụng diện tích đất là 80,5m^2 vị trí cặp tường rào của Nguyễn Văn M được thể hiện gồm các mốc Ml-M2-M3-M4-M5-A-C-D-M1 theo sơ đồ tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV đo vẽ ngày 14/11/2016.

3. Buộc bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 trả giá trị đất cho Lê Thành L1 là 5.635.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1 Bà Lê Thị Mỹ T và ông Lý Khải T1 phải chịu 581.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của bà T đã nộp theo biên lai số 18753 ngày 03/3/2014 là 231.000 đồng và biên lai số 025888 ngày

08/10/2014 là 116.000 đồng, được trừ vào tiền án phí. Bà T và ông T1 còn phải nộp 234.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

4.2. Ông Lê Thành L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông L1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 15361 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

5. Về chi phí thẩm định và định giá:

Bà T và ông T1 phải chịu 2.201.000 đồng chi phí thẩm định và định giá, bà T đã nộp và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Tấn Tặng